

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - ST

Ngày 16/01/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân & GD”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH H

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Quang L
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trần Hữu S; bà Vũ Thị Thùy Đ.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thúy H- Cán bộ Tòa án.
- Đại diện VKSND tp. H:** Bà Đào Ngọc D - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân - gia đình thụ lý số: 171/2019/TLST - HNGĐ ngày 06/12/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXX ngày 24/12/2019 giữa các đương sự:

- * **Nguyên đơn:** **Chị Phạm Thị N**, sinh năm 1989. (Có mặt)
- * **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Quang T**– sinh năm 1990. (Vắng mặt không có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Cháu Nguyễn Quang D**, sinh ngày 30/7/2010; (Vắng mặt có lý do).
- **Cháu Nguyễn An N**, sinh ngày 09/4/2017. (Vắng mặt có lý do).

Đều HKTT: Số 104, N, phường M, TP H, tỉnh H.

Hiện điều trú tại: Số 767, đường N, phường H, TP H.

Đại diện cho cháu D và N: Anh T, chị N là bố, mẹ đẻ của các cháu

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu D và cháu N: Bà Đỗ Thị H – Trợ giúp viên nhà nước, thuộc sở tư pháp tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chị Phạm Thị N và Anh Nguyễn Quang T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Minh K, TP H vào ngày 06/4/2010. Sau khi kết hôn xong hai anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T.

Theo chị N trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy mâu thuẫn là do anh T có quan hệ ngoài luồng (Có quan hệ trai gái). Chị và gia đình chồng đã khuyên can anh T nhiều lần, nhưng anh T không từ bỏ mà vẫn chứng nào tật ấy, nay cô này, mai cô khác. Khi chị nói thì anh T còn chửi bới và đánh đập chị. Từ những nguyên nhân trên, dẫn

đến tình cảm vợ chồng không còn nữa. Chị và anh T mặc dù sống cùng một nhà, nhưng đã ly thân nhau từ tháng 12/2017 cho tới nay cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa.

Nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị với anh T được ly hôn nhau, để giải phóng cho cả hai bên.

Theo anh T trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vì bất đồng quan điểm sống. Nay chị N xin ly hôn anh, thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị N để giải phóng cho cả hai bên.

- **Về con chung:** Chị N và anh T đều khẳng định là vợ chồng có 02 con chung là Cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 30/7/2010; cháu thứ hai là Nguyễn An N, sinh ngày 09/4/2017 hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị N và anh T. Nếu ly hôn chị N lúc đầu có quan điểm xin được nuôi cả hai cháu, nhưng sau đó xin thay đổi là chị xin được nuôi Cháu Nguyễn An N, còn anh T nuôi Cháu Nguyễn Quang D. Quan điểm của anh T là xin được nuôi Cháu Nguyễn Quang D, còn chị N nuôi Cháu Nguyễn An N. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N và anh T có quan điểm vì mỗi người nuôi một cháu, nên cả hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, nên cả hai anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản:** Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về công nợ:** Chị N và anh T đều khẳng định là không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ tài sản gì cả, nên cả hai anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Hải L là em trai của anh T trình bày: Chị N và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường Minh K, TP H vào ngày 06/4/2010. Sau khi kết hôn xong hai anh, chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh, tại phường Minh K, TP H. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị anh hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh T khoảng 01 tháng rồi lại quay về chung sống với anh T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có biểu hiện trai gái và ngoài ra do chị N đối xử với mẹ anh và gia đình anh không tốt dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

- Trưởng khu phố Nam Lê Hồng Phong và trưởng khu phố A, phường H nơi chị N và anh T cư trú: Đều khẳng định là không nắm được mâu thuẫn của hai anh chị.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T. Chị khẳng định là vợ chồng có 02 con chung là Cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 30/7/2010; cháu thứ hai là Nguyễn An N, sinh ngày 09/4/2017. Nếu ly hôn chị xin được nuôi Cháu Nguyễn An N, còn anh T nuôi Cháu

Nguyễn Quang D. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị có quan điểm vì mỗi người nuôi một cháu, nên cả hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp chung: Chị N khẳng định là vợ chồng không có gì, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T vắng mặt lần 2 không có lý do.

Quan điểm của bà Đỗ Thị H người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu D và N: Đề nghị giải cho chị N và anh T được ly hôn nhau. Về con chung đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị N và anh T, giao Cháu Nguyễn An N, sinh ngày 09/4/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được. Giao Cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 30/7/2010 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho tới khi cháu trưởng thành tự lập được. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh T đều có quan điểm là do mỗi người nuôi một cháu, nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do cần chấp nhận sự tự nguyện này của hai anh chị.

Sau khi ly hôn Chị Phạm Thị N và Anh Nguyễn Quang T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm: Việc tuân thủ theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng nghị án, đều thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

- Nguyên đơn chị N đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

- Bị đơn anh T đã không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án không có mặt tại phiên Tòa lần 2 nên vi phạm Điều 70, 72 và Điều 227 BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

- Về tình cảm: Cho chị N được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị N và anh T, Giao Cháu Nguyễn An N, sinh ngày 09/4/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được. Giao Cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 30/7/2010 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho tới khi cháu trưởng thành tự lập được. Chị N và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn Chị Phạm Thị N và Anh Nguyễn Quang T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị N và anh T đăng ký kết hôn tại UBND phường Minh K, TP H vào ngày 06/4/2010. Chị N làm đơn xin ly hôn với anh T. Chị N và anh T đều có hộ khẩu thường trú tại phường Minh K, TP H, tỉnh H, nên Tòa án nhân dân thành phố H đã thụ lý và xác định quan hệ pháp luật cũng như giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt lần 2 không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, nên áp dụng khoản 2 điều 227 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị N, thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của chị N và anh T cùng lời trình bày của người làm chứng anh Nguyễn Hải Llà em trai của anh T thì thấy rằng: Chị N và anh T sau khi kết hôn xong về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn là do chị N nghi ngờ anh T có biểu hiện trai gái. Chị và gia đình chồng đã khuyên can anh T nhiều lần, nhưng anh T không từ bỏ mà vẫn tiếp tục. Khi chị N nói thì anh T còn chửi bới và đánh đập chị N. Chính anh T cũng thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nên hai anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau. Người làm chứng anh Nguyễn Hải Llà em trai anh T trình bày là quá trình chung sống vợ chồng anh chị hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống ly thân với anh T khoảng 01 tháng rồi lại quay về chung sống với anh T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có biểu hiện trai gái và ngoài ra do chị N đối xử với mẹ anh và gia đình anh không tốt dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Do mâu thuẫn căng thẳng mặc dù sống chung cùng một nhà nên nhưng chị N và anh T đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2017 cho tới nay cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa. Điều đó đã chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn anh T cũng nhất trí ly hôn với chị N để giải phóng cho cả hai bên.

[3] Về con chung: Chị N và anh T đều khẳng định là vợ chồng có 02 con chung là Cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 30/7/2010; cháu thứ hai là Nguyễn An N, sinh ngày 09/4/2017 hiện cả hai cháu đang ở cùng với chị N và anh T. Nếu ly hôn chị N và anh T đều có quan điểm là chị N nuôi Cháu Nguyễn An N, còn anh T nuôi Cháu Nguyễn Quang D. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị N và anh T có quan điểm vì mỗi người nuôi một cháu, nên cả hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, nên cả hai anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quan điểm của chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận tự nguyện này của hai anh chị.

Sau khi ly hôn chị N và anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp chung: Chị N và anh T đều khẳng định là không có gì, nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị N và anh T. Giao Cháu Nguyễn An N, sinh ngày 09/4/2017 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho tới khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi tự lập được. Giao Cháu Nguyễn Quang D, sinh ngày 30/7/2010 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho tới khi cháu trưởng thành tự lập được.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N và anh T có quan điểm là do mỗi người nuôi một cháu, nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn Chị Phạm Thị N và Anh Nguyễn Quang T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp chung: Chị N và anh T đều khẳng định là không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0001010 ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. (Chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn).

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn chị N có mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh T

vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi thường trú.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H.
- Chi cục THADS T.P H.
- Phòng kiểm tra & thi hành án TAND tỉnh H.,
- UBND phường Minh K, TP H.
- Các đương sự.
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa

Đỗ Quang L